

Phụ lục 05
NỘI DUNG THÀNH PHẦN SỐ 5:
THÚC ĐẨY PHÁT TRIỂN VĂN HỌC, NGHỆ THUẬT
(Kèm theo Thông tư số 07 / 2026/TT-BVHTTDL ngày 06tháng4 năm 2026
của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)

1. Mục tiêu thực hiện

1.1. Nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động sáng tác, nghiên cứu, lý luận, phê bình, quảng bá và phổ biến văn học, nghệ thuật; đầu tư các tác phẩm nghệ thuật đỉnh cao; tạo điều kiện hình thành các tác phẩm, công trình có giá trị cao về tư tưởng, nội dung và nghệ thuật, xứng tầm với nền văn hoá Việt Nam trong kỷ nguyên mới.

1.2. Các tác phẩm, công trình văn học, nghệ thuật, điện ảnh, lý luận phê bình văn học, nghệ thuật có giá trị cao về tư tưởng, nội dung và nghệ thuật được hỗ trợ sáng tác, công bố, phổ biến. Chương trình sáng tác, nghiên cứu về văn học, nghệ thuật Việt Nam kỷ niệm 100 ngày thành lập Đảng được xây dựng và triển khai trên cơ sở tổng kết sự nghiệp sáng tác, nghiên cứu văn học, nghệ thuật trong 100 năm (1930 - 2030) dưới sự lãnh đạo của Đảng.

Ở cấp quốc gia: Hằng năm có 01 - 02 tác phẩm, công trình mỹ thuật điêu khắc; 02 - 03 tác phẩm, công trình mỹ thuật, nhiếp ảnh; 05 - 07 tác phẩm nghệ thuật biểu diễn mang tầm quốc gia về lịch sử dân tộc, lịch sử đấu tranh cách mạng và công cuộc đổi mới của đất nước.

Ở cấp địa phương: Hằng năm 100% các tỉnh có 01 - 02 tác phẩm, công trình mỹ thuật điêu khắc, trang trí cảnh quan, không gian ngoài trời; 02 - 03 tác phẩm, công trình mỹ thuật, nhiếp ảnh; 01-02 tác phẩm nghệ thuật biểu diễn về lịch sử dân tộc, lịch sử đấu tranh cách mạng và công cuộc đổi mới của đất nước, địa phương.

Hằng năm có từ 10 -15 công trình nghiên cứu lý luận phê bình văn hóa, nghệ thuật chất lượng được công bố.

1.3. Phát hiện, bồi dưỡng, hỗ trợ đội ngũ văn nghệ sĩ, nhà nghiên cứu, lý luận, phê bình; chú trọng lực lượng trẻ, văn nghệ sĩ người dân tộc thiểu số và các loại hình nghệ thuật đặc thù.

1.4. Góp phần xây dựng môi trường sáng tạo lành mạnh, hệ sinh thái phát triển văn học, nghệ thuật bền vững; thúc đẩy tiếp cận, thụ hưởng văn học, nghệ thuật của Nhân dân.

1.5. Thực hiện các tiêu chí được ban hành theo Quyết định số 42/2025/QĐ-TTg.

2. Yêu cầu thực hiện

2.1. Bám sát mục tiêu, nhiệm vụ, nội dung của nội dung thành phần số 5 của Chương trình; bảo đảm thống nhất với chiến lược, quy hoạch, chương trình, đề án có liên quan.

2.2. Việc hỗ trợ, đầu tư phải đúng đối tượng, nội dung, thẩm quyền; không trùng lặp, chồng chéo với các chính sách, chương trình, đề án khác đang triển khai.

2.3. Bảo đảm công khai, minh bạch, hiệu quả; gắn hỗ trợ sáng tác với yêu cầu sử dụng, phổ biến, phát huy giá trị tác phẩm.

2.4. Thực hiện theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, đầu tư công, đặt hàng, giao nhiệm vụ, đấu thầu và các quy định pháp luật chuyên ngành có liên quan.

3. Nội dung thực hiện

3.1. Hỗ trợ phát triển hoạt động sáng tác văn học, nghệ thuật

3.1.1. Hỗ trợ văn nghệ sĩ trong hoạt động sáng tác văn học, nghệ thuật theo các chương trình trại sáng tác, lưu trú nghệ thuật; hỗ trợ tạo nguồn kịch bản nghệ thuật, sản xuất, lưu hành tác phẩm

(Thực hiện nội dung 5.1.1 của Chương trình ban hành kèm theo Quyết định số 3399/QĐ-BVHTTDL)

a) Hỗ trợ văn nghệ sĩ có tiềm năng sáng tác tham gia các chương trình trại sáng tác văn học, nghệ thuật theo các chương trình trại sáng tác hoặc do các hiệp hội nghề nghiệp trong lĩnh vực văn hóa, nghệ thuật đề cử, giới thiệu đáp ứng các yêu cầu sau:

a1) Là công dân Việt Nam hoặc người Việt Nam định cư ở nước ngoài, chấp hành chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước Việt Nam;

a2) Có đề cương tác phẩm phù hợp với chủ đề, đề tài theo yêu cầu của chương trình trại sáng tác;

a3) Ưu tiên hỗ trợ tác giả trẻ, tác giả là người dân tộc thiểu số dưới 35 tuổi sáng tác các tác phẩm văn học, nghệ thuật đầu tay;

Việc lựa chọn tác giả thực hiện theo quy định tại Chương II - Hỗ trợ hoạt động khuyến khích phát triển văn học của Nghị định số 350/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ quy định về khuyến khích phát triển văn học.

b) Tổ chức trại sáng tác văn học, nghệ thuật thực hiện theo quy định tại Chương III - Tổ chức trại viết, trại sáng tác văn học của Nghị định số 350/2025/NĐ-CP và bảo đảm các yêu cầu sau:

b1) Ưu tiên các chủ đề, đề tài: thiếu nhi; tiểu thuyết lịch sử; văn học, nghệ thuật các dân tộc thiểu số; lịch sử dân tộc, lịch sử đấu tranh cách mạng; văn hóa truyền thống dân tộc; công cuộc đổi mới và sự nghiệp phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội của đất nước; thể loại thơ, trường ca;

b2) Thời gian thực hiện mỗi trại sáng tác không quá 06 tháng. Trong đó, tác giả tham gia trực tiếp tại trại tối đa 15 ngày để làm việc nhóm, trao đổi chuyên môn với chuyên gia, đạo diễn, nhà sản xuất; thời gian còn lại tác giả hoàn thiện tác phẩm

tại nơi cư trú trên cơ sở ý tưởng, đề cương đã được phê duyệt;

b3) Khuyến khích tác giả thỏa thuận chuyển giao các tác phẩm có giá trị cao về tư tưởng, nội dung và nghệ thuật cho Ban tổ chức hoặc cơ quan, tổ chức có thẩm quyền nhằm tạo nguồn kịch bản phục vụ sản xuất và lưu hành tác phẩm.

c) Đầu tư chiều sâu tạo nguồn kịch bản sân khấu và điện ảnh

c1) Cơ quan nhà nước có thẩm quyền xây dựng kế hoạch, ban hành quy chế, thể lệ; thành lập Hội đồng chuyên gia; tổ chức phát động, thông tin tuyển chọn; lựa chọn các đề cương kịch bản có chất lượng để đầu tư chiều sâu; tổ chức nghiệm thu kịch bản hoàn thành và công bố kết quả theo quy định;

c2) Thời gian thực hiện mỗi đợt đầu tư chiều sâu là 06 tháng. Trong đó, tác giả được mời tham gia nghiên cứu thực tế tại từ 02 đến 03 địa phương, tùy theo chủ đề, trong thời gian tối đa 15 ngày; đồng thời tham gia trao đổi chuyên môn với chuyên gia, đạo diễn, nhà sản xuất và cơ quan chủ trì; thời gian còn lại dành cho việc hoàn thiện kịch bản tại nơi cư trú.

d) Hỗ trợ tạo nguồn kịch bản nghệ thuật, sản xuất và lưu hành tác phẩm

d1) Tuyển chọn đề cương, kịch bản nghệ thuật trên cơ sở các tiêu chí về giá trị tư tưởng, nghệ thuật, tính sáng tạo và sự phù hợp với định hướng chủ đề, đề tài đã được phê duyệt;

d2) Hỗ trợ sản xuất đối với các kịch bản nghệ thuật, tác phẩm văn học, nghệ thuật đã đạt giải thưởng hoặc đã được công bố, được cơ quan có thẩm quyền công nhận giá trị sáng tạo. Nội dung hỗ trợ bao gồm: hoàn thiện tác phẩm; tổ chức dàn dựng, biểu diễn, thu âm, ghi hình, phục dựng, in ấn; thực hiện số hóa tác phẩm phục vụ lưu trữ và quảng bá. Việc hỗ trợ sản xuất, lưu hành tác phẩm thực hiện theo hình thức đấu thầu, đặt hàng hoặc giao nhiệm vụ theo quy định của pháp luật;

d3) Hỗ trợ hoạt động quảng bá, phổ biến và lưu hành tác phẩm thông qua các hình thức: tổ chức biểu diễn, trưng bày, triển lãm, giới thiệu tác phẩm; phát hành, lưu diễn; xuất bản, phát hành trên nền tảng số; thực hiện hoạt động truyền thông và các hình thức phổ biến phù hợp khác theo quy định của pháp luật.

3.1.2. Xây dựng hệ sinh thái phát triển nghệ thuật với các tổ chức giảng dạy, không gian nghệ thuật, nhà ở nghệ thuật và hỗ trợ các tổ chức, cá nhân bằng các khoản trợ cấp, học bổng nghệ thuật; hỗ trợ học sinh, sinh viên các ngành văn hóa, nghệ thuật trong quá trình thực hiện các bài thi tốt nghiệp trên sân khấu và sáng tác nghệ thuật, văn học

(Thực hiện nội dung 5.1.2 của Chương trình ban hành kèm theo Quyết định số 3399/QĐ-BVHTTDL)

a) Xây dựng hệ sinh thái phát triển nghệ thuật và cơ chế hỗ trợ sáng tạo

a1) Hệ sinh thái phát triển nghệ thuật bao gồm: các cơ sở đào tạo văn hóa,

nghệ thuật; các xưởng sáng tác và không gian làm việc sáng tạo; các chương trình đào tạo và bồi dưỡng nghệ sĩ trẻ; mạng lưới không gian nghệ thuật, gồm không gian sáng tạo, xưởng sáng tác, phòng trưng bày nghệ thuật, nhà hát quy mô nhỏ, các trung tâm sáng tạo công lập và ngoài công lập; hệ thống nhà ở nghệ thuật và các chương trình cư trú sáng tác, tạo điều kiện cho nghệ sĩ có môi trường sinh hoạt, làm việc ổn định để tập trung sáng tạo; cơ chế nuôi dưỡng sáng tạo thông qua các khoản trợ cấp, học bổng, chương trình bảo trợ nghệ sĩ trẻ và hoạt động đặt hàng sáng tác theo quy định của pháp luật;

a2) Việc nâng cao năng lực cho các cơ sở đào tạo thực hiện theo quy định hiện hành. Chương trình đào tạo nghệ sĩ trẻ thực hiện theo quy định tại Phụ lục 08 ban hành kèm theo Thông tư này và các quy định hiện hành có liên quan;

a3) Xây dựng và triển khai các cơ chế, chính sách khuyến khích đầu tư, phát triển không gian nghệ thuật; thúc đẩy liên kết, kết nối giữa các cơ sở đào tạo, không gian nghệ thuật và nhà ở nghệ thuật nhằm hình thành chuỗi hỗ trợ sáng tạo liên tục;

a4) Cung cấp hoặc vận động tài trợ, viện trợ để hình thành và triển khai các chương trình bảo trợ nghệ sĩ trẻ có triển vọng;

Cơ chế nuôi dưỡng sáng tạo thông qua các khoản trợ cấp, học bổng, chương trình bảo trợ nghệ sĩ trẻ thực hiện theo quy định hiện hành; hoạt động đặt hàng sáng tác thực hiện theo mục 3.4 Phụ lục này và các quy định có liên quan.

b) Hỗ trợ học sinh, sinh viên các ngành văn hóa, nghệ thuật trong quá trình thực hiện bài thi tốt nghiệp và sáng tác nghệ thuật, văn học

b1) Đối tượng hỗ trợ là các bài thi tốt nghiệp, báo cáo tốt nghiệp, tiểu luận tốt nghiệp, đồ án tốt nghiệp, tác phẩm tốt nghiệp thuộc các hình thức biểu diễn trên sân khấu (kịch nói, kịch hát, múa, xiếc, cải lương, chèo, tuồng, rối, múa rối nước, nhạc kịch, vũ kịch, hòa tấu, độc tấu, hợp xướng...) và các tác phẩm sáng tác nghệ thuật, văn học (sân khấu, điện ảnh, âm nhạc, mỹ thuật, văn học, nhiếp ảnh...) được quy định là hình thức thi tốt nghiệp hoặc bảo vệ đồ án, tác phẩm tốt nghiệp theo quy chế đào tạo hiện hành;

b2) Học sinh, sinh viên đang theo học các ngành đào tạo thuộc lĩnh vực văn hóa, nghệ thuật trong các chương trình đào tạo chính quy tập trung, hệ cử tuyển, hệ đào tạo tài năng, hệ đào tạo chất lượng cao, có kết quả học tập đạt loại Khá trở lên. Ưu tiên hỗ trợ học sinh, sinh viên các ngành: đạo diễn, quay phim, sân khấu; sáng tác và chỉ huy âm nhạc; các bài thi tốt nghiệp mỹ thuật sử dụng chất liệu sơn mài, đồng, đá;

b3) Bài thi, tác phẩm tốt nghiệp được hỗ trợ phải được Hội đồng chấm thi tốt nghiệp của cơ sở đào tạo đánh giá đạt loại Khá trở lên hoặc được lựa chọn để công diễn, báo cáo công khai theo quy chế của cơ sở đào tạo;

Đối với hỗ trợ tổ chức công diễn, giới thiệu tác phẩm ở trong nước và nước

ngoài: chỉ áp dụng đối với các tác phẩm được Hội đồng nghệ thuật cấp bộ hoặc cấp tỉnh đánh giá đạt giải thưởng hoặc được lựa chọn là tác phẩm tiêu biểu của cơ sở đào tạo trong năm tốt nghiệp.

3.1.3. Tổ chức định kỳ các cuộc thi, trại sáng tác văn học, nghệ thuật và chương trình nghệ thuật quốc tế ở Việt Nam nhằm tạo điều kiện cho các nhà nghiên cứu và văn nghệ sĩ giao lưu, học hỏi kinh nghiệm của thế giới

(Thực hiện nội dung 5.1.3 của Chương trình ban hành kèm theo Quyết định số 3399/QĐ-BVHTTDL)

a) Tổ chức định kỳ các cuộc thi, liên hoan, chương trình nghệ thuật quốc tế tại Việt Nam theo từng loại hình văn học, nghệ thuật, phù hợp với định hướng phát triển văn hóa, nghệ thuật và điều kiện thực tế của từng giai đoạn.

b) Tổ chức định kỳ các trại sáng tác văn học, nghệ thuật; trình tự, thủ tục, nội dung và tổ chức thực hiện trại sáng tác thực hiện theo quy định tại Chương III - Tổ chức trại viết, trại sáng tác văn học của Nghị định số 350/2025/NĐ-CP

b1) Tổ chức trại sáng tác mỹ thuật, nhiếp ảnh quốc tế tại Việt Nam theo hình thức hai năm một lần, dành cho họa sĩ, nhà điêu khắc, nghệ sĩ nhiếp ảnh Việt Nam và quốc tế, đối với các loại hình: hội họa, đồ họa, điêu khắc, nhiếp ảnh; quy mô mỗi trại tối đa 50 trại viên tham gia, trong đó nghệ sĩ Việt Nam chiếm từ 1/2 đến 2/3 tổng số trại viên, nghệ sĩ quốc tế chiếm từ 1/3 đến 1/2 tổng số trại viên;

b2) Các trại sáng tác khác cơ quan có thẩm quyền quyết định theo quy mô và tính chất của loại hình văn học nghệ thuật.

3.2. Phát triển hoạt động lý luận, phê bình, nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực văn học, nghệ thuật

3.2.1. Hỗ trợ các hoạt động lý luận, phê bình văn học, nghệ thuật

(Thực hiện nội dung 5.2.1 của Chương trình ban hành kèm theo Quyết định số 3399/QĐ-BVHTTDL)

a) Định kỳ tổ chức Hội thảo lý luận phê bình văn học, nghệ thuật cấp quốc gia và khu vực.

b) Giao nhiệm vụ, đặt hàng các bài viết, công trình nghiên cứu lý luận phê bình văn học, nghệ thuật theo các lĩnh vực: văn học, sân khấu, âm nhạc, múa, điện ảnh, mỹ thuật, nhiếp ảnh, triển lãm, nghệ thuật đương đại khác.

Ở cấp trung ương, thực hiện và công bố khoảng 30 - 45 công trình nghiên cứu lý luận, phê bình về văn hóa, văn học, nghệ thuật biểu diễn, điện ảnh, mỹ thuật, nhiếp ảnh có giá trị cao về tư tưởng, nội dung và nghệ thuật.

c) Hỗ trợ, nâng cao năng lực lý luận, phê bình và nghiên cứu về văn học, sân khấu, âm nhạc, múa, điện ảnh, mỹ thuật, nhiếp ảnh, triển lãm, nghệ thuật đương đại khác, góp phần phát triển lý luận văn hóa, văn học và nghệ thuật của Việt Nam.

d) Nghiên cứu chuyên khảo về phương pháp sáng tác tối thiểu 03 công trình/ năm.

đ) Dịch thuật sách và công trình nghiên cứu liên quan đến hoạt động lý luận, phê bình văn học, nghệ thuật

đ1) Tuyển chọn xác định danh mục sách và công trình nghiên cứu;

đ2) Tổ chức dịch thuật; công bố rộng rãi cho các đối tượng thụ hưởng thực hiện theo hướng dẫn tại Chương VI - Giới thiệu, quảng bá, phổ biến tác phẩm văn học của Nghị định số 350/2025/NĐ-CP;

đ3) Tổ chức hội thảo, tọa đàm để giới thiệu và trao đổi kiến thức.

3.2.2. Hỗ trợ nâng cao năng lực nghiên cứu cơ bản, tổng kết lý luận, thực tiễn, dự báo xu thế phát triển văn hóa, phục vụ nhiệm vụ hoạch định, tư vấn đường lối, chính sách, chiến lược phát triển ngành

(Thực hiện nội dung 5.2.2 của Chương trình ban hành kèm theo Quyết định số 3399/QĐ-BVHTTDL)

a) Nâng cao năng lực của các viện nghiên cứu, cơ quan tham mưu hoạch định chính sách, chiến lược trong lĩnh vực văn hóa, văn học, nghệ thuật, trong đó:

a1) Tăng cường đầu tư cho hệ thống nghiên cứu cơ bản; các viện, trung tâm nghiên cứu lý luận, chiến lược về văn hóa, văn học, nghệ thuật;

a2) Tổ chức các chương trình đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn chuyên sâu cho đội ngũ nhà nghiên cứu, nhà phê bình, giảng viên và công chức, viên chức làm công tác tham mưu xây dựng chính sách, chiến lược phát triển ngành;

a3) Đẩy mạnh trao đổi học thuật, hợp tác nghiên cứu với các cơ sở nghiên cứu, đào tạo, tổ chức quốc tế, mạng lưới nghiên cứu khu vực và toàn cầu;

a4) Đầu tư, mở rộng khả năng tiếp cận các cơ sở dữ liệu khoa học, thư viện số, nền tảng tài nguyên số phục vụ nghiên cứu văn hóa, văn học, nghệ thuật.

b) Hỗ trợ, khuyến khích hình thành các nhóm nghiên cứu liên ngành, nhóm chuyên gia tư vấn chiến lược; tài trợ các chương trình đào tạo, bồi dưỡng chuyên sâu; hỗ trợ nhà nghiên cứu trẻ, xây dựng các quỹ nghiên cứu chuyên biệt trong lĩnh vực văn hóa, văn học, nghệ thuật.

c) Xây dựng, nâng cấp các tạp chí khoa học, diễn đàn học thuật chuyên sâu về văn hóa, nghệ thuật; phát triển hệ thống tạp chí có quy trình phản biện khoa học chặt chẽ, đáp ứng tiêu chuẩn trong nước và từng bước tiệm cận chuẩn mực quốc tế.

d) Nâng cao năng lực nghiên cứu thông qua ứng dụng công nghệ số, trí tuệ nhân tạo, phân tích dữ liệu lớn trong khảo sát thị trường văn hóa, nghiên cứu hành vi công chúng, đánh giá tác động chính sách và dự báo xu hướng sáng tạo.

đ) Đẩy mạnh số hóa tư liệu văn hóa, văn học, nghệ thuật; tăng cường hợp tác với doanh nghiệp công nghệ trong xây dựng, vận hành các nền tảng thu thập, phân

tích, hiển thị dữ liệu phục vụ nghiên cứu, quản lý và hoạch định chính sách.

e) Tổ chức định kỳ các hoạt động khảo sát, điều tra, nghiên cứu thực tiễn về thị trường văn hóa, hành vi công chúng, đời sống nghệ sĩ, hoạt động của các thiết chế văn hóa; chú trọng khu vực nông thôn, miền núi, vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

g) Tổ chức hội thảo, diễn đàn, tọa đàm khoa học trong nước và quốc tế, tạo môi trường trao đổi học thuật, chia sẻ kinh nghiệm, nâng cao năng lực kết nối và vị thế của các tổ chức nghiên cứu văn hóa, nghệ thuật.

h) Xây dựng và triển khai các chương trình, đề tài, dự án nghiên cứu về lý luận, tổng kết thực tiễn và dự báo trung hạn, dài hạn xu hướng phát triển văn hóa, văn học, nghệ thuật trong bối cảnh hội nhập quốc tế và chuyển đổi số, trên cơ sở nghiên cứu kinh nghiệm quốc tế và thực tiễn Việt Nam.

i) Biên soạn các báo cáo lý luận - thực tiễn theo ngành, lĩnh vực, như: văn học, âm nhạc, sân khấu, điện ảnh, mỹ thuật, múa, nhiếp ảnh, phục vụ công tác quản lý nhà nước, quy hoạch và hoạch định chính sách phát triển văn hóa, văn học, nghệ thuật.

k) Xây dựng bộ tài liệu tổng kết các mô hình, điển hình tiên tiến, mô hình xã hội hóa hiệu quả trong lĩnh vực văn hóa, nghệ thuật; phân tích tác động của các yếu tố kinh tế, xã hội, công nghệ và hội nhập quốc tế đến cấu trúc, mô hình phát triển văn hóa ở Việt Nam.

l) Hỗ trợ xây dựng và vận hành hệ thống quan trắc văn hóa cấp quốc gia, các cơ chế thu thập, cung cấp dữ liệu định kỳ và hệ thống dự báo xu hướng văn hóa, gắn với việc xây dựng báo cáo thường niên phục vụ hoạch định chính sách trung và dài hạn.

m) Xây dựng bộ tiêu chí, chỉ số đánh giá tác động chính sách trong lĩnh vực văn hóa - nghệ thuật; phát triển các công cụ hỗ trợ xây dựng chính sách như bản đồ văn hóa số, cơ sở dữ liệu công chúng nghệ thuật, chỉ số sức sống văn hóa và các công cụ phân tích chuyên sâu khác.

3.3. Hỗ trợ cơ sở vật chất hạ tầng thiết yếu phục vụ phát triển văn học, nghệ thuật

3.3.1. Đầu tư, hiện đại hóa trang thiết bị kỹ thuật của các đoàn nghệ thuật công lập

(Thực hiện nội dung 5.3.1 của Chương trình ban hành kèm theo Quyết định số 3399/QĐ-BVHTTDL)

a) Tổ chức rà soát, đánh giá thực trạng trang thiết bị kỹ thuật hiện có của các đoàn nghệ thuật công lập, làm cơ sở xác định nhu cầu đầu tư, nâng cấp.

b) Đầu tư, nâng cấp trang thiết bị âm thanh, ánh sáng, sân khấu và các thiết bị kỹ thuật biểu diễn khác, bảo đảm phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, quy mô hoạt động của từng đơn vị nghệ thuật công lập và đáp ứng yêu cầu ứng dụng công nghệ hiện đại, đa dạng loại hình biểu diễn.

c) Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn nâng cao trình độ chuyên môn, kỹ năng vận hành, khai thác trang thiết bị cho đội ngũ kỹ thuật viên âm thanh, ánh sáng

của các đơn vị nghệ thuật biểu diễn công lập theo quy định hiện hành.

3.3.2. Hỗ trợ hình thành các trung tâm hỗ trợ, phát triển các loại hình nghệ thuật đương đại

(Thực hiện nội dung 5.3.2 của Chương trình ban hành kèm theo Quyết định số 3399/QĐ-BVHTTDL)

a) Khảo sát, đánh giá nhu cầu và điều kiện thực tiễn trong việc hỗ trợ, phát triển các loại hình nghệ thuật đương đại tại các thiết chế văn hóa, nghệ thuật công lập.

b) Hỗ trợ pháp lý, tư vấn chuyên môn, nghiên cứu mô hình tổ chức và phương thức hoạt động để hình thành các trung tâm hỗ trợ, phát triển các loại hình nghệ thuật đương đại phù hợp với định hướng phát triển văn hóa, nghệ thuật và quy định của pháp luật.

c) Trung tâm hỗ trợ, phát triển các loại hình nghệ thuật đương đại tập trung triển khai các hoạt động chủ yếu sau:

c1) Tuyển chọn, thẩm định các loại hình, ý tưởng, dự án nghệ thuật đương đại; hỗ trợ xây dựng kịch bản nghệ thuật, bao gồm hỗ trợ chi phí khảo sát, thu thập tư liệu phục vụ xây dựng kịch bản các chương trình nghệ thuật chuyên nghiệp theo hướng thể nghiệm và đương đại;

c2) Hỗ trợ sản xuất, dàn dựng và hoàn thiện tác phẩm nghệ thuật, bao gồm các khoản chi chuyên môn và chi phục vụ dàn dựng, thu âm, ghi hình, phục dựng; thực hiện số hóa tác phẩm phục vụ quảng bá và lưu trữ theo quy định;

c3) Hỗ trợ hoạt động quảng bá, phổ biến và lưu hành tác phẩm, thông qua các hình thức: tổ chức biểu diễn, giới thiệu tác phẩm; lưu diễn; quảng bá, giới thiệu trên nền tảng số; hoạt động truyền thông và các hình thức phổ biến phù hợp khác theo quy định của pháp luật.

3.3.3. Đầu tư trang thiết bị, phương tiện, cơ sở vật chất hiện đại đạt tiêu chuẩn phục vụ thẩm định, giám định tác phẩm nghệ thuật

(Thực hiện nội dung 5.3.3 của Chương trình ban hành kèm theo Quyết định số 3399/QĐ-BVHTTDL)

a) Rà soát, đánh giá toàn diện hiện trạng trang thiết bị, phương tiện, cơ sở vật chất và hoạt động của các tổ chức được giao thực hiện nhiệm vụ thẩm định, giám định tác phẩm nghệ thuật.

b) Khảo sát, xác định yêu cầu chuyên môn, kỹ thuật đối với công tác thẩm định, giám định tác phẩm nghệ thuật, làm cơ sở đề xuất nội dung, danh mục đầu tư phù hợp.

c) Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực chuyên môn cho đội ngũ cán bộ, chuyên gia; thành lập mới hoặc kiện toàn Hội đồng thẩm định, giám định theo quy định.

d) Thực hiện đầu tư trang thiết bị, phương tiện, cơ sở vật chất và tổ chức triển khai hoạt động thẩm định, giám định tác phẩm nghệ thuật theo quy định.

3.4. Đầu tư có trọng điểm các công trình, tác phẩm văn học, nghệ thuật đỉnh cao của Việt Nam

3.4.1. Đầu tư đặt hàng sáng tác, sưu tầm, trình diễn các tác phẩm nghệ thuật biểu diễn, văn học, mỹ thuật, nhiếp ảnh đỉnh cao và đương đại gồm: tác phẩm mang giá trị tư tưởng, văn hóa tiêu biểu của Việt Nam và thế giới; tác phẩm thể nghiệm kết hợp giữa nghệ thuật truyền thống và hiện đại; tác phẩm về đề tài lịch sử dân tộc, đấu tranh cách mạng và công cuộc đổi mới của đất nước

(Thực hiện nội dung 5.4.1 của Chương trình ban hành kèm theo Quyết định số 3399/QĐ-BVHTTDL)

a) Cơ quan thực hiện đầu tư thành lập Hội đồng chuyên môn để xác định định hướng, tiêu chí và danh mục tác phẩm đặt hàng theo quy định.

b) Thực hiện đặt hàng sáng tác, sưu tầm và trình diễn, bao gồm:

b1) Đặt hàng sáng tác, dàn dựng các tác phẩm nghệ thuật kết hợp các loại hình truyền thống và hiện đại; ứng dụng công nghệ tiên tiến trong sáng tác, dàn dựng, biểu diễn; các công trình mỹ thuật, điêu khắc, trang trí cảnh quan, không gian ngoài trời; tác phẩm nhiếp ảnh có giá trị tư tưởng, nghệ thuật cao;

Ở cấp trung ương, tập trung đầu tư các tác phẩm, công trình điêu khắc mỹ thuật; tác phẩm, công trình mỹ thuật, nhiếp ảnh về lịch sử dân tộc, đấu tranh cách mạng, công cuộc đổi mới đất nước; tác phẩm, chương trình nghệ thuật biểu diễn quy mô lớn theo mô hình mới; tác phẩm, công trình nghệ thuật biểu diễn thể nghiệm kết hợp giữa nghệ thuật truyền thống và hiện đại;

Các địa phương: thực hiện đầu tư các tác phẩm nghệ thuật phù hợp với nhu cầu phát triển của địa phương, đặc thù văn hóa vùng miền;

b2) Đặt hàng sáng tác các ca khúc, tác phẩm âm nhạc có giá trị tư tưởng, văn hóa tiêu biểu về đề tài lịch sử dân tộc, đấu tranh cách mạng và công cuộc đổi mới đất nước;

b3) Dàn dựng, trình diễn các tác phẩm nghệ thuật biểu diễn thực cảnh gắn với không gian văn hóa, lịch sử Việt Nam, bảo đảm hiệu quả nghệ thuật và lan tỏa xã hội;

b4) Tổ chức không gian biểu diễn, trưng bày nghệ thuật sắp đặt các loại hình sân khấu truyền thống, đương đại hoặc kết hợp truyền thống với đương đại;

b5) Đặt hàng sản xuất, phát hành video âm nhạc giới thiệu giá trị văn hóa truyền thống tiêu biểu của các vùng, miền, địa phương;

b6) Tổ chức các chương trình nghệ thuật đặc biệt, quy mô quốc gia, quốc tế theo định hướng của cấp có thẩm quyền.

3.4.2. Đầu tư kịch bản, sản xuất các tác phẩm phim ảnh có giá trị cao về tư

tưởng, nội dung và nghệ thuật, mang tính nhân văn, hướng thiện và giàu bản sắc văn hóa dân tộc, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ phục vụ chính trị và đời sống tinh thần của người dân, xứng tầm với nền văn hoá Việt Nam trong kỷ nguyên mới, gồm: phim truyện, phim tài liệu, phim khoa học, phim hoạt hình và phim kết hợp nhiều loại hình

(Thực hiện nội dung 5.4.2 của Chương trình ban hành kèm theo Quyết định số 3399/QĐ-BVHTTDL)

a) Đầu tư phát triển kịch bản có giá trị cao về tư tưởng, nội dung và nghệ thuật làm cơ sở cho sản xuất phim, trong đó:

a1) Thực hiện theo quy định tại mục 3.1.1 của Phụ lục này và các quy định pháp luật có liên quan về đầu tư, đặt hàng kịch bản phim sử dụng ngân sách nhà nước;

a2) Lựa chọn kịch bản có giá trị tư tưởng, nghệ thuật cao hoặc có đề tài, chủ đề phù hợp với định hướng sáng tác của cấp có thẩm quyền quy định tại điểm a1 mục này để tiếp tục đầu tư chiều sâu, hoàn thiện kịch bản, chuẩn bị các điều kiện cần thiết đưa vào sản xuất.

b) Thực hiện đầu tư sản xuất các tác phẩm điện ảnh (phim), bao gồm phim truyện, phim tài liệu, phim khoa học, phim hoạt hình và phim kết hợp nhiều loại hình

b1) Việc lựa chọn, giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu sản xuất phim sử dụng ngân sách nhà nước thực hiện theo quy định của Luật Điện ảnh và các văn bản hướng dẫn có liên quan; bảo đảm công khai, minh bạch, hiệu quả và chất lượng nghệ thuật; ở cấp trung ương, tập trung đầu tư sản xuất phim truyện điện ảnh, phim tài liệu - khoa học, phim hoạt hình và phim kết hợp nhiều loại hình có giá trị cao về tư tưởng, nội dung và nghệ thuật, có khả năng lan tỏa rộng rãi trong xã hội;

b2) Khuyến khích huy động các nguồn lực xã hội hóa trong hoạt động sản xuất, phát hành và quảng bá phim;

b3) Ứng dụng công nghệ mới, kỹ thuật hiện đại trong các khâu sản xuất, lưu trữ và phổ biến phim; sản xuất phim gắn với phát hành, phổ biến trên các hệ thống rạp chiếu, thiết chế văn hóa, nền tảng số và các kênh truyền thông phù hợp, bảo đảm khả năng tiếp cận rộng rãi của công chúng.

3.4.3. Hình thành, nâng cao giá trị, chất lượng, uy tín các giải thưởng quốc gia về văn hóa, văn học, nghệ thuật

(Thực hiện nội dung 5.4.3 của Chương trình ban hành kèm theo Quyết định số 3399/QĐ-BVHTTDL)

a) Tổ chức Giải thưởng Sách Quốc gia hằng năm nhằm tôn vinh sách, tác giả, dịch giả và các tổ chức, cá nhân hoạt động trong lĩnh vực xuất bản; góp phần nâng cao chất lượng hoạt động xuất bản, phát triển văn hóa đọc; đồng thời lựa chọn các xuất bản phẩm đạt giải tham dự các giải thưởng sách uy tín trong khu vực và quốc tế, cụ thể:

a1) Xây dựng và ban hành Kế hoạch tổ chức Giải thưởng Sách Quốc gia theo từng năm, xác định rõ mục tiêu, yêu cầu, nội dung, tiến độ và trách nhiệm tổ chức thực hiện;

a2) Tổ chức tuyển chọn sách tham dự giải; thành lập Hội đồng Giải thưởng Sách Quốc gia và các Hội đồng chuyên môn theo quy định;

a3) Thực hiện thẩm định, chấm giải qua 03 vòng:

Vòng sơ khảo: Hội đồng sơ khảo chấm điểm, bỏ phiếu đánh giá các cuốn sách tham dự, lựa chọn và đề xuất danh mục sách vào vòng chung khảo;

Vòng chung khảo: Trên cơ sở đề xuất của Hội đồng sơ khảo, Hội đồng chung khảo tiếp tục chấm điểm, bỏ phiếu và đề xuất số lượng giải, mức giải;

Vòng Hội đồng Giải thưởng Sách Quốc gia: Hội đồng Giải thưởng Sách Quốc gia xem xét, quyết định danh mục sách đạt giải trên cơ sở báo cáo, kết quả chấm và ý kiến phản biện của Hội đồng chung khảo;

a4) Tổ chức lễ trao Giải thưởng Sách Quốc gia bảo đảm trang trọng, đúng quy định;

a5) Lựa chọn các xuất bản phẩm đạt giải hàng năm để hỗ trợ quảng bá, tái bản (khi cần thiết) và gửi tham dự các giải thưởng sách uy tín trong khu vực và quốc tế.

b) Xây dựng và triển khai Đề án Giải thưởng Văn học quốc gia Việt Nam theo quy định tại Chương V - Giải thưởng văn học Giải thưởng văn học của Nghị định số 350/2025/NĐ-CP; các địa phương căn cứ điều kiện thực tế tổ chức giải thưởng văn học ở phạm vi địa phương hoặc khu vực.

c) Xây dựng và triển khai Đề án Giải thưởng Mỹ thuật Việt Nam, tổ chức định kỳ 02 năm/lần nhằm tôn vinh các tác phẩm mỹ thuật xuất sắc, có giá trị tư tưởng, nghệ thuật cao.

d) Thực hiện hỗ trợ công bố, phổ biến rộng rãi các tác phẩm đạt giải đến Nhân dân thông qua các phương tiện thông tin đại chúng, thiết chế văn hóa và nền tảng số theo quy định tại mục 3.5 của Phụ lục này và các quy định có liên quan.

3.5. Hỗ trợ quảng bá, phổ biến tác phẩm, thành tựu văn học nghệ thuật có giá trị cao về tư tưởng, nội dung và nghệ thuật đến đông đảo nhân dân

3.5.1. Xây dựng Chương trình sáng tác, nghiên cứu, tạo lập cơ sở dữ liệu và công bố các tác phẩm về văn học, nghệ thuật Việt Nam vì sự nghiệp Cách mạng, tiến tới kỷ niệm 90 năm thành lập Nước, kỷ niệm 100 năm thành lập Đảng

(Thực hiện nội dung 5.5.1 của Chương trình ban hành kèm theo Quyết định số 3399/QĐ-BVHTTDL)

a) Xây dựng và tổ chức thực hiện Chương trình sáng tác

a1) Phát động sáng tác, lựa chọn và công bố các tác phẩm văn học, nghệ thuật có giá trị cao về tư tưởng, nội dung và nghệ thuật về đề tài sự nghiệp Cách mạng của Đảng

và dân tộc; chương trình được xây dựng và triển khai trên cơ sở tổng kết thành tựu sáng tác, nghiên cứu văn học, nghệ thuật trong 100 năm (1930 - 2030) dưới sự lãnh đạo của Đảng, gắn với các mốc kỷ niệm lớn của đất nước và của Đảng (năm chẵn);

a2) Tổ chức thực hiện Chương trình thông qua các tổ chức có chức năng, bảo đảm các tác phẩm, công trình sáng tác có giá trị cao về tư tưởng, nghệ thuật, không trùng lặp, không chồng chéo với các chương trình, dự án, đề án khác đã và đang triển khai; ưu tiên hình thức công bố, phổ biến tác phẩm dưới dạng sản phẩm số, trên môi trường mạng và các nền tảng số phù hợp, bảo đảm khả năng tiếp cận rộng rãi của công chúng.

b) Xây dựng, tạo lập và khai thác cơ sở dữ liệu về các tác phẩm văn học, nghệ thuật Việt Nam vì sự nghiệp Cách mạng, hướng tới kỷ niệm 90 năm thành lập Nước và 100 năm thành lập Đảng, trên cơ sở tổng kết sự nghiệp sáng tác, nghiên cứu văn học, nghệ thuật trong 100 năm (1930 - 2030) dưới sự lãnh đạo của Đảng.

Việc xây dựng, quản lý, khai thác và cập nhật cơ sở dữ liệu thực hiện theo quy định của pháp luật về ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số và các pháp luật có liên quan.

3.5.2. Công bố, quảng bá, phổ biến các tác phẩm văn học, nghệ thuật, điện ảnh, tác phẩm lý luận phê bình văn học nghệ thuật xuất sắc, có giá trị cao về tư tưởng, nội dung và nghệ thuật đã được giải thưởng hoặc công nhận trong nước và quốc tế cho nhân dân được tiếp cận, hưởng thụ; phổ biến văn hóa, văn học, nghệ thuật thông qua các sản phẩm vui chơi, giải trí trên nền tảng công nghệ số

(Thực hiện nội dung 5.5.2 của Chương trình ban hành kèm theo Quyết định số 3399/QĐ-BVHTTDL)

a) Đầu tư công bố, quảng bá, phổ biến các tác phẩm văn học, nghệ thuật, điện ảnh, tác phẩm lý luận, phê bình văn học, nghệ thuật xuất sắc, có giá trị cao về tư tưởng, nội dung và nghệ thuật đã được giải thưởng hoặc được công nhận trong nước và quốc tế dưới nhiều hình thức phù hợp, gồm: xuất bản phẩm (ưu tiên xuất bản phẩm điện tử), biểu diễn, triển lãm, công chiếu, phát hành và các sản phẩm truyền thông đa phương tiện, bảo đảm khả năng tiếp cận rộng rãi của Nhân dân

a1) Tổ chức hoặc tham gia các giải thưởng văn học, điện ảnh, mỹ thuật, nhiếp ảnh và các loại hình nghệ thuật khác; tham gia hội chợ sách, hội chợ, sự kiện văn hóa, nghệ thuật trong nước và quốc tế; phổ biến, tuyên truyền, quảng bá tác phẩm trên không gian mạng và các nền tảng truyền thông phù hợp, góp phần giới thiệu giá trị văn hóa, văn học, nghệ thuật Việt Nam ra khu vực và thế giới;

a2) Lựa chọn các tác phẩm, chương trình, vở diễn nghệ thuật xuất sắc để tổ chức sản xuất, dàn dựng, ghi âm, ghi hình, số hóa, in ấn, lưu trữ và phát hành theo quy định, phục vụ công tác phổ biến, quảng bá lâu dài;

a3) Tổ chức biểu diễn, trình chiếu, giới thiệu tác phẩm trên phạm vi toàn quốc,

ưu tiên tại các thiết chế văn hóa, nghệ thuật, không gian công cộng, quảng trường, khu vực phục vụ cộng đồng; đồng thời công bố, phát hành, khuyến khích khai thác, phổ biến trên không gian mạng và nền tảng số đối với các tác phẩm phù hợp.

b) Phổ biến văn hóa, văn học, nghệ thuật thông qua các sản phẩm vui chơi, giải trí trên nền tảng công nghệ số, trong đó hỗ trợ nghiên cứu, sản xuất sản phẩm trò chơi điện tử trên mạng (trò chơi giải trí, game) có nội dung giáo dục, văn hóa, văn học, nghệ thuật, lịch sử, truyền thống của dân tộc Việt Nam để phát hành trong nước và quốc tế, theo quy định của pháp luật

b1) Đa dạng hóa hình thức phổ biến văn hóa, văn học, nghệ thuật; khai thác hình ảnh, chất liệu, giá trị văn hóa truyền thống, các tác phẩm có giá trị văn học, nghệ thuật làm cơ sở xây dựng kịch bản, nội dung cho các sản phẩm vui chơi, giải trí trên nền tảng số, bảo đảm tính giáo dục, thẩm mỹ và phù hợp thuần phong mỹ tục;

b2) Hỗ trợ nghiên cứu, phát triển sản phẩm trò chơi điện tử trên mạng, tập trung vào các nội dung sau:

b2.1) Nghiên cứu, khảo sát tính khả thi của dự án quảng bá văn hóa thông qua trò chơi điện tử, bao gồm nghiên cứu kinh nghiệm quốc tế; khảo sát năng lực của doanh nghiệp Việt Nam; đánh giá nhu cầu, thị hiếu của người sử dụng đối với các sản phẩm khai thác yếu tố văn hóa, lịch sử Việt Nam;

b2.2) Nghiên cứu, lựa chọn cốt truyện, tác phẩm văn học, bối cảnh lịch sử, văn hóa phù hợp để xây dựng nội dung trò chơi;

b2.3) Sưu tầm, phân tích tài liệu về văn hóa, văn học, nghệ thuật phục vụ xây dựng kịch bản;

b2.4) Xây dựng nội dung, kịch bản, hệ thống nhân vật, không gian, đồ họa, âm thanh, âm nhạc và các yếu tố kỹ thuật khác của trò chơi, bảo đảm lồng ghép giá trị giáo dục, văn hóa, nghệ thuật, thẩm mỹ;

b2.5) Mời chuyên gia có chuyên môn phù hợp để tư vấn nội dung, kịch bản, tạo hình nhân vật, âm thanh;

b2.6) Tổ chức Hội đồng đánh giá, thẩm định nội dung, kịch bản trò chơi điện tử theo tiêu chí, yêu cầu cụ thể; trường hợp cần thiết, mời chuyên gia trong các lĩnh vực văn hóa, lịch sử, nghệ thuật và công nghệ tham gia;

b2.7) Tổ chức nghiệm thu, đánh giá kết quả và hỗ trợ hoàn thiện nội dung, kịch bản trò chơi điện tử theo quy định;

b2.8) Việc tổ chức thực hiện phải bảo đảm quyền tiếp cận của công chúng đối với sản phẩm trò chơi điện tử.

3.5.3. Xây dựng Chương trình dịch thuật về lý luận văn hóa, văn học, nghệ thuật, làm căn cứ cho việc tiếp thu, vận dụng và phát triển lý luận văn hóa, văn học, nghệ thuật của Việt Nam

(Thực hiện nội dung 5.5.3 của Chương trình ban hành kèm theo Quyết định số 3399/QĐ-BVHTTDL)

a) Xây dựng Chương trình dịch thuật các công trình lý luận văn hóa, văn học, nghệ thuật có giá trị khoa học, thực tiễn, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt. Trước khi phê duyệt, cơ quan chủ trì thực hiện phải có văn bản thống nhất của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

b) Lựa chọn tác phẩm, tác giả thông qua Hội đồng thẩm định, gồm các chuyên gia, nhà nghiên cứu trong lĩnh vực văn hóa, văn học, nghệ thuật, ngôn ngữ.

c) Tổ chức dịch các công trình được lựa chọn ra tiếng Việt, bảo đảm chất lượng học thuật, tính chính xác về thuật ngữ chuyên ngành, tuân thủ quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ và Điều 31 Nghị định số 350/2025/NĐ-CP.

d) Tổ chức biên tập, xuất bản, công bố, quảng bá và phát hành các công trình dịch thuật dưới các hình thức phù hợp, ưu tiên xuất bản điện tử, số hóa, phục vụ công tác nghiên cứu, giảng dạy và phổ biến lý luận văn hóa, văn học, nghệ thuật.

3.5.4. Tổ chức các sự kiện quốc gia, quốc tế có quy mô lớn trong lĩnh vực mỹ thuật, nhiếp ảnh, nghệ thuật biểu diễn, điện ảnh; tạo điều kiện kết nối, giao lưu văn hoá giữa Việt Nam và các nước trong khu vực, quốc tế

(Thực hiện nội dung 5.5.4 của Chương trình ban hành kèm theo Quyết định số 3399/QĐ-BVHTTDL)

a) Tổ chức các sự kiện quốc gia và quốc tế tại Việt Nam trong lĩnh vực mỹ thuật, nhiếp ảnh, nghệ thuật biểu diễn, điện ảnh như lễ hội, liên hoan, cuộc thi, hội thi, triển lãm và các hình thức khác, bảo đảm tính chuyên nghiệp, hiệu quả, bản sắc văn hóa Việt Nam, hướng tới hội nhập quốc tế, góp phần từng bước định vị Việt Nam là trung tâm giao lưu nghệ thuật của khu vực Đông Nam Á.

b) Các sự kiện được tổ chức dành riêng hoặc kết hợp các loại hình nghệ thuật tiêu biểu như: kịch, ca, múa, nhạc, âm nhạc truyền thống, âm nhạc đương đại, múa rối, xiếc; các thể loại phim; các tác phẩm mỹ thuật, nhiếp ảnh, phù hợp với chủ đề và mục tiêu của từng sự kiện.

c) Tổ chức các sự kiện định kỳ tại Việt Nam, chú trọng mục tiêu đưa nghệ thuật truyền thống Việt Nam ra thế giới một cách có chiến lược các loại hình nghệ thuật đương đại khai thác chất liệu văn hóa dân gian

c1) Xây dựng kế hoạch tổ chức, xác định rõ mục tiêu, chủ đề, quy mô, đối tượng tham gia và các tiêu chí chuyên môn của sự kiện;

c2) Thành lập Hội đồng chuyên môn để thẩm định kịch bản, chương trình, tiết mục trong nước và quốc tế, bảo đảm tuân thủ quy định của pháp luật, thuần phong mỹ tục và định hướng chính trị, văn hóa; áp dụng các tiêu chí gồm: giá trị nghệ thuật, giá trị giáo dục, tính sáng tạo, tính mới và mức độ phù hợp với chủ đề sự kiện;

c3) Tham gia, phối hợp biểu diễn giữa nghệ sĩ Việt Nam và nghệ sĩ quốc tế; ưu tiên các hình thức biểu diễn kết hợp, song tấu, hòa tấu thể hiện sự giao thoa văn hóa; kết hợp tổ chức các hoạt động trao đổi chuyên môn, hội thảo, tọa đàm về kỹ năng biểu diễn, quản lý nghệ thuật, kỹ thuật sân khấu và truyền thông nghệ thuật; xây dựng không gian văn hóa mở, đa dạng, tôn trọng sự khác biệt và tăng cường hiểu biết lẫn nhau;

c4) Tổ chức truyền thông, quảng bá sự kiện nhằm giới thiệu văn hóa, nghệ thuật Việt Nam ra thế giới, đồng thời tiếp thu, học hỏi tinh hoa văn hóa, nghệ thuật quốc tế. Hoạt động truyền thông thực hiện theo quy định hiện hành.

3.5.5. Hỗ trợ tăng tỷ lệ buổi chiếu phim Việt Nam tại rạp; hỗ trợ hoạt động phổ biến phim phục vụ đồng bào dân tộc thiểu số, đồng bào đang sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn, tại xã đảo, đặc khu

(Thực hiện nội dung 5.5.5 của Chương trình ban hành kèm theo Quyết định số 3399/QĐ-BVHTTDL)

a) Hỗ trợ tăng tỷ lệ suất chiếu phim Việt Nam tại rạp

a1) Cơ quan quản lý nhà nước về điện ảnh ở trung ương và địa phương có trách nhiệm theo dõi, kiểm tra, giám sát việc thực hiện theo quy định tại Điều 9 về tỷ lệ suất chiếu phim Việt Nam, khung giờ chiếu phim Việt Nam, thời lượng và khung giờ chiếu phim cho trẻ em trong hệ thống rạp chiếu phim của Nghị định số 131/2022/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Điện ảnh;

a2) Xác định các rạp, cụm rạp cần hỗ trợ trên cơ sở nhu cầu của cộng đồng dân cư địa phương; thực hiện hỗ trợ, cung cấp phim sử dụng ngân sách nhà nước để duy trì hoặc tăng số buổi chiếu phim Việt Nam tại các rạp do Nhà nước quản lý;

a3) Xây dựng, vận hành các ứng dụng, hệ thống dữ liệu phòng vé, kết nối với hệ thống rạp chiếu phim nhằm phục vụ công tác theo dõi, kiểm tra, giám sát và đánh giá hiệu quả thực hiện;

a4) Định hướng, tổ chức truyền thông trong nước nhằm đẩy mạnh quảng bá phim Việt Nam khi khởi chiếu.

b) Hỗ trợ hoạt động phổ biến phim phục vụ đồng bào dân tộc thiểu số, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn, xã đảo, đặc khu

b1) Lập kế hoạch chiếu phim hằng năm, bảo đảm mỗi địa phương, xã đảo, vùng khó khăn có số buổi chiếu phim tối thiểu; đưa hoạt động phổ biến phim trở thành một bộ phận của đời sống văn hóa cộng đồng;

b2) Xây dựng kho phim phong phú về thể loại, đề tài, nội dung; khuyến khích địa phương sản xuất hoặc tham gia sản xuất các chương trình, phim truyện, phim tài liệu, phim khoa học, phim hoạt hình phục vụ nhu cầu phổ biến tại cơ sở;

b3) Thành lập Hội đồng chuyên môn để lựa chọn, mua bản quyền phim có giá trị cao về tư tưởng, nội dung và nghệ thuật, nội dung phù hợp với đời sống, phong tục, tập quán của đồng bào dân tộc thiểu số và vùng khó khăn; việc mua bản quyền thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành;

b4) Kết hợp hoạt động chiếu phim với tuyên truyền, phổ biến pháp luật và kiến thức xã hội thiết yếu như an toàn giao thông, phòng chống tảo hôn, bảo vệ rừng, bảo vệ môi trường, bình đẳng giới;

b5) Tổ chức các lớp tập huấn, bồi dưỡng ngắn hạn cho người làm văn hóa cơ sở hoặc lực lượng tham gia chiếu phim lưu động về kỹ năng vận hành, bảo trì thiết bị và tổ chức hoạt động chiếu phim cộng đồng theo quy định hiện hành.

3.5.6. Phát triển hệ thống không gian nghệ thuật công cộng, cộng đồng thông qua hợp tác công - tư, tạo cơ hội cho các nghệ sĩ trình bày tác phẩm, đồng thời nâng cao tính thẩm mỹ của địa phương

(Thực hiện nội dung 5.5.6 của Chương trình ban hành kèm theo Quyết định số 3399/QĐ-BVHTTDL)

a) Các địa phương, trong quá trình phê duyệt, quy hoạch và đầu tư các khu đô thị, công trình văn hoá của tỉnh

a1) Lồng ghép, bổ sung không gian văn hóa sáng tạo với quy mô phù hợp, hạ tầng cơ sở đồng bộ;

a2) Ưu tiên chuyển đổi các cụm, khu công nghiệp, trụ sở cơ quan nhà nước, cơ sở vật chất sau sắp xếp để tái thiết thành các không gian văn hóa, sáng tạo.

b) Các địa phương xây dựng và triển khai đề án hỗ trợ hình thành, phát triển mạng lưới các không gian văn hóa sáng tạo, không gian nghệ thuật công cộng, trung tâm hỗ trợ phát triển các loại hình nghệ thuật đương đại, thông qua các hình thức hợp tác công - tư, xã hội hóa phù hợp với quy định của pháp luật; tạo điều kiện cho nghệ sĩ sáng tác, trình bày tác phẩm, góp phần nâng cao chất lượng thẩm mỹ và bản sắc văn hóa của địa phương.

c) Việc quản lý, vận hành, khai thác các không gian nghệ thuật công cộng, cộng đồng thực hiện theo các nhiệm vụ, nội dung quy định tại mục 3.1.2 Phụ lục 06 ban hành kèm theo Thông tư này và các quy định có liên quan.

4. Tổ chức thực hiện

4.1. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thực hiện các nội dung hoạt động thúc đẩy phát triển văn hóa học, nghệ thuật theo chức năng, nhiệm vụ ở cấp trung ương, trong đó ưu tiên tập trung hỗ trợ các chương trình, tác phẩm có giá trị cao về tư tưởng, nội dung và nghệ thuật, quy mô lớn, đặc sắc, tiêu biểu, đỉnh cao, các tác phẩm thể nghiệm và kết hợp nhiều loại hình nghệ thuật truyền thống và hiện

đại, mang tầm quốc gia, liên vùng.

b) Đối với mục 3.2.2 Phụ lục này, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan xây dựng định hướng chương trình và hướng dẫn về mặt kỹ thuật; phân công, điều phối các nhiệm vụ nghiên cứu, đào tạo, tổng kết lý luận, thực tiễn, dự báo xu thế; xây dựng cơ chế, chính sách và bố trí nguồn lực; tổ chức, đặt hàng các nhiệm vụ nghiên cứu trọng điểm; xây dựng và duy trì hệ thống cơ sở dữ liệu, báo cáo quốc gia; định kỳ rà soát, đánh giá kết quả thực hiện.

c) Đối với mục 3.4.3 Phụ lục này, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức Giải thưởng Sách Quốc gia và lựa chọn sách đạt giải thưởng hằng năm để xuất bản, gửi tham dự các giải thưởng sách uy tín trong khu vực và quốc tế; tham dự các giải thưởng sách uy tín trong khu vực và quốc tế.

4.2. Các bộ, cơ quan trung ương có liên quan

a) Phối hợp với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổ chức thực hiện các nội dung thuộc phạm vi quản lý; bảo đảm thống nhất, đồng bộ trong triển khai Chương trình.

b) Phối hợp đơn đốc, kiểm tra, đánh giá và báo cáo việc thực hiện nội dung tại Phụ lục này theo quy định.

4.3. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

a) Chỉ đạo xây dựng kế hoạch và tổ chức triển khai thực hiện nội dung của Phụ lục này trên địa bàn phù hợp điều kiện thực tế, khả năng cân đối nguồn lực và quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Ưu tiên các nhiệm vụ để hoàn thành chỉ tiêu được giao cho địa phương tại Quyết định số 42/2025/QĐ-TTg.

b) Xây dựng kế hoạch cụ thể phù hợp chức năng, nhiệm vụ; triển khai các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng, nghiên cứu, tổng kết lý luận - thực tiễn và dự báo xu thế; cung cấp dữ liệu, phối hợp nghiên cứu, hội thảo, đánh giá; ứng dụng kết quả nghiên cứu, khuyến nghị chính sách vào công tác hoạch định, quản lý và phát triển văn hóa, văn học, nghệ thuật ở địa phương.

c) Thực hiện các nội dung hoạt động thúc đẩy phát triển văn hóa, văn học, nghệ thuật tại địa phương theo chức năng, nhiệm vụ, trong đó ưu tiên tập trung hỗ trợ các chương trình, tác phẩm có chất lượng, có giá trị tư tưởng, nghệ thuật, văn hóa tiêu biểu của địa phương, sử dụng ngôn ngữ của các dân tộc thiểu số.

d) Bố trí vốn đối ứng theo quy định; huy động, lồng ghép các nguồn lực hợp pháp khác; bảo đảm sử dụng kinh phí đúng mục đích, hiệu quả, tránh trùng lặp, dàn trải.

đ) Chỉ đạo kiểm tra, giám sát, đánh giá; xử lý hoặc kiến nghị xử lý kịp thời các khó khăn, vướng mắc phát sinh.

e) Chỉ đạo cơ quan chuyên môn về văn hoá tại địa phương làm đầu mối tham mưu tổ chức thực hiện; hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ; phối hợp với các sở,

ngành và Ủy ban nhân dân cấp xã rà soát, đề xuất nhiệm vụ; theo dõi, đánh giá, tổng hợp và báo cáo theo quy định.

4.4. Các tổ chức, doanh nghiệp, hiệp hội nghề nghiệp, cá nhân liên quan

a) Chủ động đề xuất, tham gia đầu tư, sáng tạo, sản xuất, kinh doanh, phân phối sản phẩm văn hóa; phối hợp triển khai các chương trình, dự án; chấp hành quy định của pháp luật và hướng dẫn của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

b) Chịu sự kiểm tra, giám sát của cơ quan có thẩm quyền; thực hiện chế độ báo cáo theo quy định.

4.5. Cộng đồng dân cư, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, doanh nghiệp và các chủ thể có liên quan

Tham gia phối hợp, đóng góp nguồn lực, tổ chức hoạt động và giám sát việc thực hiện; phát huy vai trò chủ thể của cộng đồng trong phát triển văn học nghệ thuật.